

Số: 440 /QĐ-UBND

Đồng Xoài, ngày 02 tháng 3 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Thoát nước và xử lý nước thải thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, công suất 10.000 m³/ngày đêm (là dự án thành phần thuộc dự án cấp nước và thoát nước đô thị Việt Nam Giai đoạn I vốn vay WB)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản ngày 19/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 131/2006/NĐ-CP ngày 09/11/2006 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức;

Căn cứ Nghị định số 88/2007/NĐ-CP ngày 28/5/2007 của Chính phủ về thoát nước đô thị và khu công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 và Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 48/2008/QĐ-TTg ngày 03/4/2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hướng dẫn chung lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức của 5 nhóm ngân hàng (Ngân hàng Phát triển Châu Á, Cơ quan Phát triển Pháp, Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản, Ngân hàng Tái thiết Đức, Ngân hàng Thế giới);

Căn cứ Công văn số 1366/TTg-QHQT ngày 06/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục dự án các tỉnh tham gia giai đoạn I khoản vay cấp nước và nước thải đô thị vay vốn WB;

Căn cứ Công văn số 225/TTg-QHQT ngày 18/02/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung, thay đổi nguồn vốn cho dự án do WB tài trợ;

Căn cứ Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ;

Căn cứ Công văn số 6565/BKH-KTĐN ngày 19/9/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục chi tiết các dự án tham gia giai đoạn I khoản vay cấp nước và nước thải đô thị, vay vốn WB;

Căn cứ Công văn số 829/BKHĐT-KTĐN ngày 15/02/2011 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc thay đổi tổng mức đầu tư của các dự án thành phần tại địa phương thuộc dự án Cấp nước và nước thải đô thị - giai đoạn I;

Căn cứ Công văn số 1152/BKHĐT-KTĐN ngày 28/02/2011 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc phê duyệt điều chỉnh các dự án thành phần thuộc dự án Cấp nước và nước thải đô thị - giai đoạn I, vay vốn WB;

Căn cứ Quyết định số 26/2009/QĐ-UBND ngày 29/6/2009 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Xét đề nghị của Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước tại Tờ trình số 33/TT.CTN ngày 26/02/2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Thoát nước và xử lý nước thải thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, công suất 10.000 m³/ngày đêm với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Thoát nước và xử lý nước thải thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, công suất 10.000 m³/ngày đêm.
2. Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước.
3. Tổ chức tư vấn lập dự án: Công ty TNHH Tư vấn xây dựng thương mại Hân Minh.
4. Chủ nhiệm lập Dự án: Kỹ sư Hồ Đắc Quy.
5. Mục tiêu đầu tư xây dựng:

Cải thiện điều kiện môi trường đô thị tại thị xã Đồng Xoài thông qua việc xây dựng các công trình thoát nước, xử lý nước thải và tăng cường nhận thức cộng đồng về sức khỏe và vệ sinh thông qua các hoạt động giáo dục và quan hệ cộng đồng.

Tăng cường tính lâu bền của cơ sở hạ tầng và các dịch vụ đô thị tại tỉnh Bình Phước bằng việc hỗ trợ đơn vị quản lý và vận hành hệ thống thoát nước. Đề xuất cơ chế hoạt động phù hợp cho Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình

Phước cũng như giúp đỡ về mặt kỹ thuật trong công tác quản lý vận hành hệ thống thoát nước và vệ sinh môi trường.

6. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:

Xây mới và nâng cấp hệ thống thoát nước mưa; xây dựng mạng lưới thu gom và nhà máy xử lý nước thải.

6.1. Xây mới và nâng cấp hệ thống thoát nước mưa:

Stt	Hạng mục công việc	Đơn vị	Khối lượng
1	Xây mới tuyến cống D600	m	2.600
2	Xây mới tuyến cống D800	m	3.110
3	Xây mới tuyến cống D1000	m	1.505
4	Xây mới mương thoát nước 600 x 800	m	490
5	Xây mới các hố ga thăm	cái	165
6	Cải tạo các nắp hố ga thu nước bị hỏng	cái	312
7	Xây dựng các hố ga thu nước mặt đường	cái	165
8	Lắp đặt các cống thu nước mặt đường (nối từ hố ga thu nước mặt đường đến hố ga thăm) D400-BTCTThay mới các nắp hố ga thu nước bị hỏng	m	1.155
9	Xây dựng mới các cửa xả ra sông thoát nước(bao gồm có van phao chống lũ) D800	cái	01
10	Nạo, vét khơi thông dòng chậusuối Đồng Tiên (đoạn thượng lưu) L=800m	m ³	2.400

6.2. Mạng lưới thu gom và nhà máy xử lý nước thải:

6.2.1. Hệ thống cống và hố ga thu gom nước thải:

Stt	Vật tư - Quy cách	Đơn vị	Khối lượng
	-Tuyến cống thu gom nước thải tự chảy uPVC-PN6		
1	Cống D200	m	52.382
2	Cống D300	m	9.410
3	Cống D400	m	2.328

	Tuyến công có áp uPVC-PN6		
5	Cống D200	m	1.880
6	Cống D300	m	1.740
7	Cống D400	m	1.750
8	Xây dựng hồ ga đầu nối hộ dân	Cái	5.953
10	Xây dựng hồ ga D200	Cái	1.310
11	Xây dựng hồ ga D300	Cái	235
12	Xây dựng hồ ga D400	Cái	58
13	Xây dựng hồ ga thăm trên các tuyến công có áp D200	Cái	11
14	Xây dựng hồ ga thăm trên các tuyến công có áp D300	Cái	11
15	Xây dựng hồ ga thăm trên các tuyến công có áp D400	Cái	11
16	Xây dựng hồ van xả khí D200	Cái	04
17	Xây dựng hồ van xả khí D300	Cái	04
18	Xây dựng hồ van xả khí D400	Cái	04
19	Xây dựng các điểm đầu nối với các hộ gia đình đã đầu nối vào mạng lưới thoát nước hiện hữu, các công việc bao gồm đường ống đầu nối, tái lập lại hiện trạng	Điểm	5.631
20	Xây dựng các điểm đầu nối từ hộ gia đình (phía sau bể tự hoại hoặc công trình vệ sinh) ra hệ thống thoát nước bên ngoài, các công việc bao gồm đường ống dẫn nước thải từ hộ gia đình ra hồ ga đầu nối, tái lập lại hiện trạng	Điểm	6.274
21	Bơm xách tay hút nước thải	cái	2
22	Máy xúc lật (kết hợp 2 tính năng xúc và ủi)	cái	1
23	Xe hút bùn bể tự hoại	cái	1
24	Xe thông rửa cống áp lực	cái	1
25	Xe tải vận chuyển bùn	cái	1
26	Hệ thống máy vi tính	bộ	2
27	Các dụng cụ bảo hộ lao động (quần áo, ủng,	H.mục	1

	găng tay,..)		
28	Một số thiết bị thí nghiệm lưu động	H.mục	1

6.2.2. Trạm bơm nước thải:

STT	Trạm bơm nước thải	Công suất (m ³ /h)	Diện tích (m ²)	Số lượng bơm
1	TBNT số 1	25	3,6×1,9 = 6,84	01 bơm hoạt động, 01 bơm dự phòng
2	TBNT số 2	65	4,9×2,6 = 12,74	01 bơm hoạt động, 01 bơm dự phòng
3	TBNT số 3	178	6,5×4,2 = 27,3	01 bơm hoạt động, 01 bơm dự phòng
4	TBNT số 4	25	3,6×1,9 = 6,84	01 bơm hoạt động, 01 bơm dự phòng
5	TBNT số 5	500	7,4×5,1 = 37,74	01 bơm hoạt động, 01 bơm dự phòng

6.2.3. Nhà máy xử lý nước thải công suất 10.000 m³/ngày đêm.

a) Mương đặt song chắn rác:

- Số lượng 1
- Khoảng cách giữa các song 16 mm
- Kích thước mương LxBxH = 12x1x2 m
- Kích thước song chắn rác BxH = 1x2,3 m, đặt nghiêng 60⁰
- Thùng chứa rác 2 thùng, dung tích 500 lít

b) Bể lắng cát ngang:

- Số lượng 2 bể
- Lưu lượng nước thải tối đa: Q = 10.000 m³/ngày đêm
- Lắng cát cỡ hạt d = 0,25 mm
- Xây dựng 2 bể lắng cát ngang có hệ thống cào cát đặt sát đáy bể, kích thước mỗi bể là: LxBxH = 10x4x2,4m

c) Hồ kỵ khí:

- Số lượng 2 hồ
- Kích thước mỗi hồ LxBxH = 90x44x3,5 m

- Hồ được xây bằng đá hộc, phủ lớp màng chống thấm HDPE

d) Hồ xử lý sinh học tùy tiện:

- Số lượng 2 hồ

- Tổng diện tích bề mặt cả hai hồ 30.000m²

- Diện tích hồ 1 là: 14.000 m²

- Diện tích hồ 2 là: 16.000 m²

- Hồ sâu 2m.

- Hồ được xây bằng đá hộc, phủ lớp màng chống thấm HDPE.

e) Bể khử trùng:

- Lưu lượng tính toán $q = 417(\text{m}^3/\text{h})$

- Thời gian tiếp xúc 30 (phút)

- Dung tích cần thiết của bể tiếp xúc $W = Q \cdot t / 60 = 208,35\text{m}^3$.

- Xây dựng bể tiếp xúc Clo có kích thước $L \times B \times H = 10,8 \times 10 \times 3,0\text{m}$.

- Chiều cao công tác $h_{ct} = 2,0\text{m}$

- Bao gồm 6 ngăn trộn vách ngăn kiểu zích zắc.

f) Nhà hóa chất:

- Lưu lượng trung bình $Q = 10000 (\text{m}^3/\text{ngđ}) = 417 (\text{m}^3/\text{h})$

+ Liều lượng Clo hoạt tính $a = 5 (\text{g}/\text{m}^3)$

Liều lượng Clo hoạt tính xác định theo công thức:

$$Y = a \cdot Q / 1000 = 5 (\text{kg}/\text{h})$$

$$Y = 5 \cdot 24 = 110 \text{ kg}/\text{ngày}$$

- Sử dụng Clo bột : Clo bột được khuấy trộn trong hai bồn, sau khi khuấy trộn clo được châm vào bể khử trùng.

02 bơm định lượng có thông số $Q = 6\text{m}^3/\text{h}$, $H = 15\text{m}$, $N = 1,5\text{Kw}$

g) Các công trình phụ trợ: Nhà hành chính và điều khiển, nhà kho, nhà bảo vệ, đường nội bộ, gara, sân nền, láng nền trạm xử lý, cấp điện + nước, thiết bị phòng thí nghiệm, đường ống kỹ thuật trong nội bộ trạm xử lý, đường cống thoát nước, đường vào trạm xử lý.

7. Địa điểm xây dựng: Thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

8. Diện tích đất sử dụng:

Tổng diện tích đất sử dụng là 167.012 m², trong đó:

- Diện tích thu hồi đất vĩnh viễn để xây dựng các trạm bơm tăng áp, nhà máy xử lý nước thải và đường vào nhà máy là 88.072 m²;

- Diện tích đất thu hồi tạm thời là phần đất có hệ thống thoát nước đi qua nằm chủ yếu trên các vỉa hè không phải đền bù nhưng phải hoàn trả hiện trạng ban đầu sau khi thi công có tổng diện tích là 78.940 m².

9. Phương án xây dựng:

- Xây mới một số hạng mục và cải tạo hệ thống thoát nước mưa hiện hữu để tạo thành hệ thống đồng bộ đảm bảo đáp ứng yêu cầu thoát nước mưa khu vực nội thị và phạm vi quy hoạch mở rộng thị xã Đồng Xoài;

- Xây mới hệ thống thu gom nước thải và nhà máy xử lý nước thải công suất 10.000 m³/ngày đêm nhằm thu gom và xử lý nước thải cho khu vực nội thị và phạm vi quy hoạch mở rộng xã thị Đồng Xoài.

10. Loại, cấp công trình:

- Loại công trình: Công trình cấp thoát nước;

- Cấp công trình: Công trình cấp III.

11. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư

- Đền bù tái định cư: Theo bảng kế hoạch đền bù tái định cư của tiểu dự án đã được lập theo khung chính sách đền bù tái định cư của dự án được Bộ Xây dựng chuẩn bị và phê duyệt tại Quyết định số 1084/QĐ-BXD ngày 15/12/2010 theo ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 1759/TTg-QHITH ngày 28/9/2010.

- Diện tích đất thu hồi vĩnh viễn để xây dựng trạm bơm nước thải 103m².

- Diện tích đất thu hồi vĩnh viễn để xây dựng nhà máy xử lý nước thải là 82.266 m².

- Diện tích đất thu hồi vĩnh viễn để xây dựng đường ra vào nhà máy là 5.703 m².

- Tổng diện tích thu hồi vĩnh viễn phải tiến hành giải tỏa bồi thường là 88.072m²

12. Tổng mức đầu tư:

17.519.000 USD, tương đương **341.615.500.000 VND** (tỷ giá 1USD=19.500VND),

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	257.415.700.000 VND
- Chi phí thiết bị:	6.101.500.000 VND
- Chi phí công nghệ :	1.869.000.000 VND
- Chi phí bồi thường GPMB, tái định cư:	12.164.191.000 VND
- Chi phí quản lý dự án:	3.154.963.900 VND
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	10.702.425.800 VND

- Chi phí khác: 7.638.197.300 VND
- Chi phí dự phòng: 42.566.022.000 VND

13. Nguồn vốn đầu tư:

Dự án được thực hiện thông qua nguồn vốn vay (ODA) của WB và vốn đối ứng của ngân sách.

- Vốn vay Ngân hàng Thế giới: **15.058.000 USD** tương đương **293.626.000.000 VND** chiếm 86% (tỷ giá 1 USD = 19.500 VND), thông qua cấp phát từ ngân sách theo các quy định tại Thông tư 108/2003/TT-BTC ngày 07/11/2003 của Bộ Tài chính.

- Vốn đối ứng: **2.461.000 USD** tương đương **47.989.500.000 VND**, chiếm 14 %.

14. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

15. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2011 - 2015.

16. Các nội dung khác:

- Khi triển khai bước thiết kế bản vẽ thi công, chủ đầu tư phải thực hiện hoàn chỉnh các nội dung còn tồn tại theo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở của Sở Xây dựng tại Văn bản số 702/SXD-KT&QLXD ngày 08/10/2010.

- Giao UBND thị xã Đồng Xoài phối hợp với chủ đầu tư tổ chức thông báo thu hồi đất theo diện tích quy hoạch xây dựng dự án nói trên cho mọi người dân trong vùng thực hiện dự án biết, thực hiện.

Điều 2. Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước là Chủ đầu tư có trách nhiệm tiếp tục triển khai các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước, tổ chức thực hiện dự án theo các nội dung đã nêu tại Điều 1.

Điều 3. Quyết định này thay thế Quyết định số 2352/QĐ-UBND ngày 12/10/2010 của UBND tỉnh.

Điều 4. Các ông/bà: Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kho bạc Nhà nước Bình Phước; Chủ tịch UBND thị xã Đồng Xoài, Chủ đầu tư và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- CT, PCT;
- Như Điều 4;
- LĐVP, phòng: KT, SX;
- Lưu: VT, 14.



Phường Tấn Thiệu